SỞ Y TẾ SƠN LA
BVĐK HUYỆN MƯỜNG LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 296/QĐ- BVĐK

Mường La, ngày 22 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61;

Căn cứ biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Sở Y tế tỉnh Sơn La về việc xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 cho Bệnh viện đa khoa huyện Mường La;

Xét đề nghị của Trưởng phòng TC-KT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2021 của Bệnh viện đa khoa huyện Mường La.

(Có phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng TC-HC, phòng TC-KT và các khoa, phòng, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT, TCKT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MƯỜNG LA

Đèo Thị Nhung

Đơn vị: BVĐK huyện Mường La
Chương: 423

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MƯỜNG LA

Biểu số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 296/QĐ-BVĐK ngày 22/6/ 2022 của Giám đốc Bệnh viện)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
A	**Quyết toán thu, chi nộp NS phí, lệ phí**				
I	**Tổng số thu**	**33.192.195.923**	**33.192.195.923**	**0**	**0**
1	**Thu NSNN cấp**				
2	**Thu sự nghiệp**	**33.192.195.923**	**33.192.195.923**	**0**	**0**
2.1	Thu viện phí	33.192.195.923	33.192.195.923	**0**	**0**
II	**Chi từ nguồn thu được để lại**	**35.825.496.003**	**35.825.496.003**	**0**	**0**
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	**35.825.496.003**	**35.825.496.003**	**0**	**0**
1.1	Chi sự nghiệp y tế	35.825.496.003	35.825.496.003	**0**	**0**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	35.825.496.003	35.825.496.003	**0**	**0**
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			**0**	**0**
III	**Số thu nộp NSNN**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Hoạt động sự nghiệp khác	0	0	**0**	**0**
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**87.935.000**	**87.935.000**	**0**	**0**
1	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**87.935.000**	**87.935.000**	**0**	**0**
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	**0**	**0**
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	87.935.000	87.935.000	0	0